

TAM THẬP NHỊ LẬP

Mạnh Bích

Năm tôi ba mươi tuổi, chúng tôi có đứa con đầu lòng. Nó con trai mà tôi là con trai trưởng cho nên nó được xem là « cháu đích tôn » của ông-cụ tôi. Ngày ăn đầy tháng của nó, cả họ, cả làng thêm bà con lối xóm lần lượt đến chúc mừng... ông-cụ tôi. Vợ tôi và nhất là tôi lấy làm lạ nhưng không tiện hỏi giữa đông người. Mấy ngày sau, khi lễ « đầy tháng » đã êm xuôi, tối hôm ấy, ông-cụ tôi gọi chúng tôi ra phòng khách và bảo :

« Các con có biết tại sao bà-con làng nước mấy ngày vừa qua lo mừng cha nhiều mà mừng các con ít không ? Chắc các con có ý buồn. Vậy cha nói cho mà hiểu. Cổ tục của ta, trong đạo hiếu, rất chú trọng việc tiếp nối giòng-giới cho nên ai nấy đều vui mừng khi một người trong giòng họ có cháu đích tôn, là đứa con trai đầu của đời thứ ba. Người ấy nhờ ăn ở có đạo đức, giữ đúng đạo làm cha nên mới hưởng được ân phúc.

Ngoài ra, về đạo đức, cổ-nhân-ta (ông-cụ tôi có thói quen là cái gì của nho học đã được viết hóa đều gọi là của cổ-nhân-ta) thường có chữ « tam thập nhi lập » có nghĩa là đến *ba mươi tuổi thì vững vàng trong việc học đạo làm người*. Mà đạo làm người cốt ở sự « thành nhân, thành người » nghĩa là mình phải dùng cái trí khôn trời-cho mà tiến dần lên cái trình độ hiểu biết để có thể nắm vững cách ứng xử với đời, ăn ở với mọi người *cho đàng hoàng*. Nay, các con, chồng thì đúng ba mươi tuổi mới có con đầu lòng, vợ thì mới bước vào tam canh làm mẹ, các con phải biết là các con đang bước vào một giai đoạn rất quan trọng trong đời : trong cái bốn phận phải « lập thân, thành nhân », các con phải cẩn thận về cái nhiệm vụ lo tròn *đạo đức làm cha, làm mẹ*. Nhiệm vụ này rất lớn. Ở đời, ai cũng vậy, lo không tròn đạo đức làm cha làm mẹ là không xứng đáng với danh hiệu con-người ».

Mấy lời khuyên nghiêm từ ấy trở thành một mối lo canh cánh trong lòng chúng tôi. Trước là *tinh thần tam thập nhi lập* sau là *đạo nghĩa* làm cha làm mẹ, chung chung là lập thân lập chí sao cho *trọn đạo làm người*. Một mối lo gồm có hai trách nhiệm. Và phải « cho đàng hoàng ». Cho nên chúng tôi cứ phải suy nghĩ, suy nghĩ về đủ thứ chuyện. Suy nghĩ là phải vì không những đây là chuyện đạo lý, luân thường mà là vấn đề « đạo đức ». Nếu chỉ nói về « lý » thì còn châm chước, còn chống chế hoặc cãi bướng được nếu lỡ phạm lỗi-lầm, chứ đã thuộc về « đức » thì dù cho là lỡ-lầm vẫn là sai trái. Mà sai trái về tinh thần là *phạm tội lương tâm không dễ gì gột rửa được*.

I- **Chuẩn định « tinh thần tam thập nhi lập »** - Nhờ chuyện « cháu đích tôn » ấy, tôi hiểu được khá sâu sắc lời dạy dỗ của ông-cụ tôi. Ba mươi tuổi, đối với các cụ là một « mốc-đời » quan trọng, rất quan trọng. Vì với cái số thời gian ba mươi năm « làm người », mỗi con-người phải tích lũy được những gì làm kinh nghiệm sống. Vào tuổi tam thập, con-người có đủ trí khôn để suy xét, định đoạt cách hành xử của mình để làm cho những bước đi trên đường đời trong ba mươi năm tiếp theo được vững chắc, nghĩa là bình tĩnh đi thẳng đến cái tâm thức an nhiên, hòa giải được với mình, lương tâm không bị vướng bận gì nữa. Nói cách khác, đến tuổi tam thập, con-người phải biết tận dụng cái trí thức của mình để lập chí, lập thân, hoàn chỉnh cái « tam thập » tiếp theo để đạt được tâm thức « nhĩ thuận », tai chỉ còn biết nghe, được nghe những điều không trái với lương tâm.

Trên thực tế, tinh thần tam thập nhi lập phải dùng đến phương thức « ôn cổ tri tân », suy gẫm về những chuyện cũ để hiểu rõ những chuyện sẽ phải làm.

Vậy bắt đầu tôi xin nói về những chuyện đã xảy ra vào tuổi mười tám : đây là thời kỳ Cách Mạng tháng Tám, nói cho gọn là thời kỳ Việt Minh. Nói chung, trong giai đoạn này 1947-1950, người Việt Nam, người nào cũng vậy chứ không riêng gì tôi, già trẻ trai gái đều như nhau, ai cũng mang một bầu nhiệt huyết, quyết tâm đánh đuổi phát xít Nhật, thực dân Pháp, để dành lại Độc Lập cho nước nhà. Thế hệ của chúng tôi tự xem là được cái vinh hạnh gia nhập phong trào cứu quốc Việt Minh để lo tròn trách nhiệm của mình đối với dân tộc, giòng giống, nước nhà. Gérard de Nerval có nói một câu thật chí lý : « Nơi nào có sự ngu ngơ, nơi ấy mở cửa cho dị đoan – là où l'incrédulité règne, la superstition s'est déjà ouverte une porte ». Dị đoan của Nerval nói là nhắm mắt tin theo một đạo giáo vô văn nào đấy, còn cái dị đoan nảy sinh trong lòng, trong tim óc của chúng tôi vào cái tuổi 18 ngu ngơ (tuổi 18 thời bấy giờ rất lãng mạn, thích thương vay khóc mướn, mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây !) là hoàn toàn tin theo, nhắm mắt chạy theo « phong trào Việt Minh ». Chúng tôi tin theo lời kêu gọi của ông Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một con-người có dáng dấp nho sĩ, ăn mặc xuề xòa, ăn nói điềm đạm, khiêm hòa, đã hy sinh trọn tuổi thanh xuân cho « lý tưởng Cách Mạng », trước tên là Nguyễn Ái Quốc, lúc bấy giờ là Hồ Chí Minh. Khi đầu óc được hâm nóng bằng những thanh âm, hình ảnh « ái quốc, dân chủ, cộng hòa, cách mạng » thì bạn đọc hiểu dùm cho là chúng tôi sung sướng vô cùng khi được một người như vậy lãnh đạo cuộc kháng chiến, cứu quốc. Thế là tầng tầng lớp lớp, chúng tôi lao mình vào cuộc kháng chiến anh dũng, chí trai ngất trời, hùng ca yêu nước dậy đất. Nhiều, rất nhiều bà con, bạn bè của tôi đã bỏ mình trong những trận tập kích vô định, được vui dập trên những nẻo đường vô danh. Nhưng... « một ra đi là không trở về...ta sá chi gian nguy » ! Cuộc chiến đấu kéo dài, kéo dài, năm này qua năm khác...triền miên, bất tận. Trường kỳ kháng chiến mà ! Chiến đấu đến giọt máu cuối cùng, đến ngày toàn thắng mà ! Phải tiêu thổ kháng chiến, phải giữ vững niềm tin, phải củng cố quyền lực vừa dành được, phải bảo vệ những phần đất đã dành được...Không sao ! Thế nào cũng được, miễn là có Độc lập, Tự Do.

Nhưng, tôi còn nghe thêm : phải có thủ đoạn, phải dùng mưu mô, phải biết giết nếu cần. Và tôi nghe kể lại những vụ sát hại ở Hà Nội để tiêu diệt nhóm chiến sĩ quốc gia đối lập Việt Nam quốc dân đảng, ở Huế để trừ diệt bọn Việt gian phản quốc như Phạm Quỳnh, Ngô đình Khôi, tôi chứng kiến những vụ đầu tổ rừng rợn ở những làng quê lân cận, tôi biết đến những vụ thanh trừng các đảng viên này, đảng viên nọ như Tạ Thu-Thâu, Phan-văn Hùm, Trần-văn Thạch, Hồ-văn Ngà, Bùi-quang Chiêu v.v., toàn là những người trí thức được hầu hết chúng tôi ngưỡng mộ cả ! Tóm lại là phải tạo nên không biết bao nhiêu là oan khiên, bao nhiêu là thù hận, bao nhiêu là tàn độc chất ngất để... dành Độc Lập, xây dựng Tự Do, Hạnh Phúc! Trong khi ấy, năm 1949 Hiệp định Elysée ký kết giữa Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Quốc trưởng Bảo Đại thừa nhận Việt Nam Độc Lập, dựa trên tiến trình giải phóng các thuộc địa sau Thế chiến thứ nhì. Trước đây, Phi-luật-tân, Ấn-độ, Miến-điện, Nam-dương kế tiếp được độc lập mà không mất một giọt máu nào!

Và tôi đã thấy được sự thật. Bộ mặt thật của cái phong trào yêu nước Việt Minh là đảng Cộng sản. Đây là đảng Cộng sản của ông Nguyễn tất Thành « lập » từ lúc tôi mới lọt lòng mẹ. Bộ mặt thật của người «cha-già-dân-tộc » không phải như tôi - và hằng triệu triệu người Việt khác - tin tưởng !!! Cái lý tưởng cách mạng cao quý của ông Chủ tịch nước VNDCCH và đảng Cộng sản trá hình là dành cho được quyền cai trị dân Việt vốn (ngu ngơ) mơ ước Tự do, Hạnh phúc và « lập » cho được chế độ vô sản quốc tế. Từ « chuyện » ấy, chữ « lập » có một tầm vang dội sâu rộng trong tâm hồn tôi. Ông Hồ « lập thân » theo một cung cách riêng và cái « đạo làm cha (già dân tộc) » của ông có cái giá trị đạo đức (cách mạng) cũng... riêng. Còn thân phận của tôi, của chung thể hệ chúng tôi, đang trên đường thực hiện phương châm « tam thập nhi lập » như vậy là phải « lập thân » giữa cảnh gia đình ly tán, làng xóm điêu tàn, đất nước điêu linh, nghĩa tình, đạo lý tan hoang !

Cho nên, sau khi Pháp thất trận ở Điện-biên-phủ, việc ký kết hiệp ước quân sự đình chiến Genève năm 1954 phân chia Đất Nước thành hai miền là một vết thương lòng không ngừng rướm máu đối với chúng tôi. Mỗi gia đình sẽ có kẻ Nam người Bắc, toàn dân tộc sẽ chia làm hai phe, từ chống đối nhau sẽ đi dần đến thù hận nhau. Tình ruột thịt, nghĩa đồng bào thế nào cũng bị cắt xẻ, phá nát. Còn đau tình tương thân, đoàn kết ? « Người trong một nước » làm sao « thương nhau cùng » đây? Riêng trong gia đình tôi, ông-cụ tôi chỉ có hai anh em trai, vết thương lòng trở thành một mối bi phần tốt cùng : ông-chú của tôi (Nguyễn Khải) bị « kẹt » ở Vinh (Nghệ an) đã quyết định « tập kết » vợ và con trai (Khương) đầu lòng. Ngày « thím Khải và cháu Khương » chia tay mọi người để « ra bưng » là một ngày tang tóc đối với ông-cụ tôi. Tang tóc vì ông-cụ tôi bị ám ảnh bởi sự kiện « đạo đức, gia phong sẽ bị hủy diệt » bởi một lý tưởng cách mạng vô thần, phi nhân bản và có thể biến cải ông-chú và các em chú bác của tôi thành thù địch.

Ban đầu, tôi cứ nghĩ là ông-cụ tôi lo xa quá đáng. Theo Hiệp ước Genève, khi các lực lượng tranh chấp đã « ai về chỗ nấy » thì sẽ có tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. Lúc ấy, gia đình lại đoàn tụ, bà con bạn bè lại sum họp. Lúc ấy đất nước lại thanh bình. Nhưng những « trò đời » diễn ra về sau chứng minh được sự đau lòng của ông-cụ tôi.

Thật vậy, từ sau tháng 7, 1956, cuộc di cư vĩ đại bắt đầu lôi cuốn theo những bi thương uất hận của hàng trăm ngàn gia đình. Đồng bào miền Bắc bỏ của cải, thôn xóm, thân bằng quyến thuộc để trốn chạy Cộng sản. Trốn chạy vì khi họ là dân của những « vùng tề », họ bị xem là hạng người phạm « tội đã sống với địch », vì họ thuộc thành phần địa chủ, tư bản, bóc lột nhân dân, nói chung họ là bọn phản quốc cần phải trừ diệt ! Sự trốn chạy ấy có tính cách của một sự không chấp nhận sống chung với một loại người không có nghĩa đồng bào, mất nhân tính. Cuộc trốn chạy ấy là bằng chứng hiển nhiên của cảnh nước mất nhà tan.

Thật vậy, trong khi Miền Nam tiến dần đến một chính thể thực sự dân chủ, tự do, trong khi Miền Nam được cơm no áo ấm, (dù bị Việt Cộng = Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam + đặc công Cộng sản nằm vùng không ngớt tìm cách phá hoại), trong khi Miền Nam cố duy trì một số giá trị đạo đức trong đời sống và văn hóa (mặc dù những biến động chính trị liên tục xảy ra) thì tập đoàn Cộng Sản Miền Bắc tìm đủ mọi cách, với bất cứ giá nào xâm lăng Miền Nam dưới chiêu bài « đánh Ngụy, đuổi Mỹ, thống nhất Đất Nước ». Những cuộc tàn sát dân lành vô tội trong các cuộc đầu tổ ở những vùng thôn quê, trong những lần tấn công Tết Mậu Thân năm 1968, Mùa hè đỏ lửa 1972 v.v. chứng tỏ tính khùng bố, hiếu sát của nhóm người Việt Nam đặc biệt ấy. Cuộc xâm lăng này là bằng chứng hiển nhiên của tính hiếu chiến hiếu sát phản dân tộc của họ.

Thật vậy, việc ký kết Hiệp ước đình chiến Paris (ngày 27-01-1973 và ngày 02-03-1973) kết thúc trong ngõ ngàng, cay đắng một cuộc hòa đàm đầy xảo trá. Ngõ ngàng vì hiệp ước này giúp Mỹ bỏ rơi Việt Nam, rút quân trong danh dự ; cay đắng vì bắt đầu từ 1973, dân quân Miền nam lại bị lừa phản và sẽ vẫn bị Việt Cộng tiếp tục hãm hại mà không được ai can thiệp để chống trả hữu hiệu nữa ! Lần thứ nhì trong lịch sử nội chiến ở Việt nam vào thế kỷ 20, Việt Cộng lại hạ bút ký kết « đình chiến » trong khi đã tam xâm chiếm Miền Nam càng quyết liệt hơn. Lần thứ nhì, người dân Việt lại mong đợi một cuộc tuyển cử thống nhất đất nước trong tình tương thân đồng bào và yêu chuộng an bình để thất vọng, tủi nhục, oán hận vì Việt Cộng không muốn tổng tuyển cử mà chỉ muốn nuốt trọn Miền Nam. Sự phản bội này là bằng chứng hiển nhiên của sự bất tín, bất nghĩa, phản đạo lý của Việt Cộng.

Thật vậy, hiệp định Paris vừa ký kết thì Cộng quân Miền Bắc lũ lượt kéo vào Miền Nam bằng đường mòn Hồ Chí Minh, rồi những đợt tấn công lẻ tẻ xảy ra, rồi trận tổng tấn công Mùa Xuân 75 bùng nổ : Việt Cộng ồ ạt kéo toàn lực lượng đánh chiếm Phước Bình, Phước Long, Pleiku, Ban Mê thuật, Tuy Hòa... Những tháng đầu năm 1975 là một chuỗi ngày đau khổ nhất cho người dân Miền Nam Việt Nam. Viễn ảnh hãi hùng đã hiện lên trong trí óc mọi người : vùng đất tự do, trù phú sẽ bị dày xéo, dẫm nát, cuộc sống an bình hạnh

phúc sẽ bị hủy diệt và cái Miền Nam Việt Nam này sẽ phải sống trong lo sợ, hãi hùng, dưới sự cai trị của một bọn người tàn độc. Mỗi lo ấy thành sự thực : Sau ngày 30-04, Cộng Sản Việt Nam vừa chiếm được Sài Gòn liền áp đặt ngay chính sách cai trị bạo tàn, gian manh cố hữu của họ. Mặt Trận Giải phóng Miền Nam bị loại trừ, các giới tư sản đều bị « đánh », chủ nhân bị tù đầy, tài sản bị tịch thu, của cải của dân chúng bị cướp giết bằng những vụ đối tiền, nhân viên quân, dân, cán, chính thuộc « nguy quyền » (?) Miền Nam bị lừa đảo đưa đi tập trung trong những trại lao động cải tạo (mút mùa !), dân chúng bị mạng lưới công an dày đặc khủng bố cả ngày lẫn đêm. Cả một vùng đất bị bản cứng hóa : dân chúng Miền Nam vốn quen sống nhõn nhõ (vì được quyền phê phán) bỗng nhiên, trong một sớm một chiều, phải « hết lo ăn buổi sáng, lại lo ăn buổi chiều ». Mà ăn gì ? Ăn gạo mốc ẩm, đầy sạn cát « độn » với sắn, bắp, khoai, hoặc bo bo trung-cộng, bột mì liên-xô ! Cả một xã hội bị xáo trộn : tất cả những gì gọi là « văn minh » của Miền Nam đều bị tiêu trừ, từ tập tục, lễ giáo cổ truyền, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục đến lời ăn tiếng nói thông thường đều bị « cải tạo ». Cộng sản Việt Nam hô hào và áp đặt sự biến cải con-người Việt cổ truyền thành « con người xã hội chủ nghĩa » tôn thờ chủ nghĩa Mác-Lê Nin-Mao, vô thần, phi nhân bản, phản đạo lý, hoại đạo đức.

I I - Thực trạng « tam thập nhi lập » : từ 1975 đến 2005 hay Tam thập nhi lập của cộng sản Việt Nam - Giá trị của Ba mươi năm chế độ xã hội chủ nghĩa

Tam thập hậu 75 là một vấn đề trọng đại. Nó tràn lan trên nhiều mặt và một chiều dài xa thẳm, ăn sâu vào vô vàn ẩn ức của nhiều thế hệ. Những lời lạm bàn sau đây tất nhiên sẽ rất phiến diện. Xin quý các bạn đọc vui lòng xem như một não trạng yếu nhỏ để góp vào cái tâm thức bao la của cộng đồng người Việt đang hướng về tương lai của Đất Nước Việt Nam:

Sau cơn bão lốc 1975, trong hoàn cảnh « đổi đời » của toàn dân tộc vừa bàng hoàng thoát khỏi cảnh khói lửa tàn khốc, trong tâm trạng của những kẻ phải « làm quen » với một chế độ khắc nghiệt - được mang cái mỹ từ XHCN -, bất cứ người Việt Nam nào cũng mang một tâm trạng vật vã trong lúc phải mò mẫm, uốn mình theo cái « xã hội mới sau 75 ». (Mò mẫm là một cách nói nhẹ nhàng, lịch sự để diễn tả tất cả sự nhiều khê, những dẫn vật, khốn nạn, điều đứng mà toàn dân từ Nam ra Bắc đã phải trải qua, sẽ nếm đến). Thành thật mà nói, dù muốn dù không, dù chỉ để tự lừa dối, trong đầu một số lớn người dân Việt Nam, khi thấy có một chính phủ « cách mạng » (!) nắm quyền, thỉnh thoảng cũng lóe lên một tia hy vọng là một ngày nào đó, Đất Nước thực sự giàu mạnh, tiến bộ cho mình được nhờ, chiếm được vai vế tốt đẹp trên trường quốc tế cho mình được sung sướng lây. Cho nên, thái độ thích hợp nhất của mọi người là chờ, nhẫn nhục chờ, khắc khoải chờ.

« Mọi người » ấy là ai ? Là :

- là lứa tuổi của tôi (có lẽ của tất cả chúng tôi, những người thuộc cái « thể hệ Việt Minh 1945 ») Chúng tôi phải đối phó, ứng xử như thế nào ? Kẻ muốn dẫn thân, người mong hòa hợp, hợp tác hoặc dứt khoát ly khai, đây là một thái độ, một sự lựa chọn, hơn nữa một vấn đề lương tâm.

- là đám con cháu của chúng tôi, lứa tuổi đã nếm mùi « cách mạng » cùng với chúng tôi như chúng tôi đã từng biết trong quá trình tam thập trước (45-75) .

- là những đứa con, cháu sinh sau cách mạng, lớn lên với cái « khăn đỏ quàng cổ » hay trong khốn đốn, tủi nhục của gia đình « nguy », hay trong không khí tự do, sung túc, buông thả của gia đình đã hội nhập tốt đẹp ở xứ người.

Tất cả « mọi người » ấy vào thời điểm này, ba mươi năm đã qua, từ ngày nước Việt Nam theo chế độ xã hội chủ nghĩa, đã « làm » và « có » những gì ?

1- Ở trong nước :

- về chính trị : Hiến pháp nước Việt Nam XHCN ban hành năm 1992 xác nhận : nước Việt Nam XHCN dùng phương châm : Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc. Trong Hiến Pháp có đề cập đến nhân quyền, tự do và dân chủ nhưng điều 4 lại ghi : « Đảng CSVN... là lực lượng lãnh đạo Nhà Nước và Xã hội ».

Một điểm đặc biệt nữa là : trong cái lý tưởng « hồng hóa » xã hội, Ông Hồ Chí Minh, trên nguyên tắc « trăm năm trồng người », sáng-chế ra một thứ đạo đức riêng : đạo đức cách mạng. Cái đạo đức này, chung chung, trên lý thuyết, cũng lập lại - mặc dù ông xem là tiến bộ nhất - những giá trị tinh thần nhân bản thông thường, căn bản, cổ truyền của người Việt cần thiết cho cuộc sống chung an bình : nhân, nghĩa, cán bộ công bộc, cần kiệm, liêm chính v.v... Nhưng, trong thực tế, trên nguyên tắc, con người (đảng viên, cán bộ) xã hội chủ nghĩa phải được học tập, huấn luyện để thực hiện một cuộc « cách mạng vô sản » bằng cách hủy diệt mọi giá trị đạo đức cổ truyền bị xem là phong kiến, phản nhân dân !

Do đấy, trong thời kỳ rất dài ba mươi năm (1975-2005), cũng vẫn xảy ra những lần sai lầm quá lớn do sự mò mẫm để tiến lên XHCN như : cải cách ruộng đất (đã tạo nên phong trào đấu tố vô nhân), phương thức lao động cải tạo (trại cải tạo, khu tế mới) làm lòng dân uất hận, sự quản chế văn hóa (giống như vụ Trăm hoa đua nở) làm tiêu hao trí thức, hủy diệt tâm thức v.v.. Năm 1986, dù Nguyễn Văn Linh đã nghĩ đến việc sửa sai bằng « đổi mới », nhưng với phương thức căn bản, bất di bất dịch : « Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Dân làm chủ », chế độ XHCN Việt Nam không biết thế nào là tôn trọng nhân quyền, dân quyền, dân chủ tự do ; trái lại, chế độ hiện nay ở Việt Nam không có được một ưu điểm nào của chế độ XHCN (lý thuyết) như chủ quyền toàn dân, đa đảng, bầu cử thật sự tự do, phổ thông đầu phiếu, tam quyền phân lập, bảo đảm an sinh xã hội. Đây là một chế độ công an trị, dùng bạo lực để ngăn chặn mọi sinh hoạt tự do (cư trú, đi lại, sinh kế, báo chí, hội họp v.v...), để đàn áp mọi sáng kiến dân chủ. Đây là một chế độ đảng quyền trước dân quyền, bạo quyền trên pháp quyền.

Thực trạng là người dân sống trên đất nước của mình nhưng hoàn toàn « vô sản » : tài sản vật chất như nhà cửa, đất đai, ruộng vườn, xí nghiệp v.v. tư sản trí thức như tư duy, chất xám đều thuộc về Đảng (đồng nghĩa với nhân dân !) và do Nhà Nước XHCN quản lý. Dĩ nhiên, trong cái nhìn của « mọi người », người cán bộ Cộng sản trung kiên không có đạo đức. Nói không đi đôi với làm là bất tín. Làm cha mẹ của dân (cha già dân tộc, cán bộ con em của dân) mà không nghĩ đến lợi ích cho dân là bất nghĩa ! Và khi « mọi người » sống trong phập phồng lo sợ, với tâm trạng cầu an, bó tay, giữ thái độ tai điếc mắt mù trí ngu lòng lạnh thì hậu quả bi đát là lòng dân không tha thiết gì nữa. Hiện tại què quặt, tương lai mù tịt thì làm gì hơn được ?

Trong thời gian ấy, đã có những biến chuyển lớn trên toàn cầu : Chủ nghĩa xã hội đã phá sản từ ngày bức tường ô nhục Bá Linh sụp, các chế độ cộng sản ở các nước Trung-Âu đã tự đào thải. Trong khi ấy, hiểm họa Bắc thuộc lại tái diễn. Trong khi ấy, nghiêm trọng hơn hết, nhân loại đã thực sự đi vào tiến trình toàn cầu hóa để tạo dựng an bình chung bằng cách tiêu trừ mọi hình thức bạo lực, khủng bố, độc tài.

Vậy vấn đề phải được đặt ra một cách nghiêm chỉnh là : Tại sao trong nước vẫn còn giữ cái chế độ «chuyên chính vô sản » lạc hậu, lỗi thời ? Một cuộc đổi mới thực sự của Việt Nam sẽ có ý ích lợi gì, cho ai ?

Cộng sản VN khi đã rêu rao « đổi mới » thì cần đặt rõ vấn đề tư duy chính trị để khỏi mang tội với lịch sử dân tộc. Lá bài nằm trong tay « họ » chứ không một ai trong cái « mọi người » nói trên mang tội nào cả.

- về kinh tế : Sau quãng mười năm nắm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam thấy nền kinh tế quá sa sút và nước Việt Nam sắp bị quốc tế bỏ rơi đành phải nghĩ đến việc « sửa sai » n ăm 1986. Nhưng, trên nguyên tắc, Nguyễn văn Linh, khi đề xướng chính sách đổi mới, đã nhấn mạnh rằng «chính sách đổi mới chỉ nhằm tăng hiệu năng ». Ngoài ra, chính sách đổi mới xác định : kinh tế phải được vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà-Nước, theo định hướng XHCN ». Khách quan mà nói, cũng đã có vài chuyển biến nhỏ nhằm mục đích hòa hợp với chương trình « xóa đói giảm nghèo » quốc tế, nhờ vậy, kinh tế có phát triển đôi chút nhưng chủ trương « cải tạo XHCN của Cộng sản Việt Nam đối với các giai cấp nông, công, thương » là loại bỏ giai cấp tư sản dân tộc, tận diệt nền sản xuất tư doanh. Cho nên, kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, khi vận hành với chủ trương « kinh tế do Nhà Nước chỉ đạo » thì quốc doanh không thể liên kết tốt với tư doanh và từ đó, chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa kỹ thuật, kỹ nghệ không thực hiện thông suốt được.

Ngoài ra, do việc quản lý sai lầm, tinh thần công ích suy thoái nhường chỗ cho thói lạm quyền và tham nhũng, óc bè phái. Tất nhiên, các xí nghiệp quốc doanh làm ăn lỗ lã, gây thiệt hại lớn cho công quỹ và năng lực cạnh tranh kinh tế giảm sút hoặc đình trệ. Hiện nay, nước Việt Nam đứng vào hàng 62 trên số 75 nước đang phát triển. Tổng sản phẩm quốc nội/đầu người của Việt Nam chừng 400\$, trong khi ở Thái-lan là 2000\$, Đài-loan 14.500\$ và Tân-gia-ba 25.000\$.

Với công cuộc hiện đại hóa công kỹ nghệ vẫn què quặt, nước ta chưa thể nào tiến lên hàng những nước tự túc tự cường và có mặt chỗ đứng vững vàng trong « làng hoàn cầu ». Chúng ta không thể nào thoát khỏi thế bị đè bẹp, bị gạt ra ngoài lề cuộc sống chung tiến bộ và hòa bình toàn cầu ! Đây là một mối lo không nhỏ !

- văn hóa, giáo dục : Bắt nguồn từ tư tưởng « bứng gốc trồng người » và sự áp dụng chặt chẽ nguyên tắc « chuyên chính vô sản », giới cầm quyền Cộng sản chủ trương xây dựng một nền văn hóa mới XHCN dựa trên học thuyết Mác-Lê, theo chính sách tận diệt « trí,hào, địa chủ ». Cho nên, trong hơn mười năm sau khi nội chiến chấm dứt (từ 1975 đến 1986) văn hóa vẫn bị trói buộc vào những định đề : ca ngợi Đảng, sùng bái Bác, thần thánh hóa những chiến công, những liệt sĩ cách mạng v.v. Mọi mưu tính thoát ly khỏi gông cùm văn hóa ấy đều bị trừ dập, buộc tội phản quốc (nghĩa là phản chế độ). Hiện nay, các hoạt động văn hóa gọi là được « cởi trói » nhưng quyền tự do ngôn luận, sáng tác vẫn bị bóp nghẹt. Số « tù nhân lương tâm » lên đến một con số đáng lo buồn !

Song song với phương hướng văn hóa XHCN phản tự do dân chủ ấy, mô thức giáo dục dùng những nguyên tắc phản tiến bộ lỗi thời của Liên Xô như : áp đặt ý thức hệ chuyên chính vô sản, đào tạo cán bộ phục vụ Đảng, giam khóa tư duy, tri thức và tâm thức v.v. làm cho nền giáo dục từ cấp mẫu giáo lên đến cấp đại học và chuyên nghiệp bị trì trệ, thoái hóa so với nền giáo dục trên thế giới. Nhìn chung, hệ thống giáo dục đang ở trong một tình trạng bất bình thường : giáo dục phổ thông không đến được với mọi người, chương trình đào tạo đại học và chuyên nghiệp, kỹ thuật trung cấp không thích ứng với thị trường công nghiệp trong nước và toàn cầu. Kết quả là tiến trình đào tạo chuyên viên không được hữu hiệu tạo nên nạn thất nghiệp lan tràn, đẩy thành phần lao động vào những hoạt động ngoại vi (nghề tay trái, buôn lậu, hối mại quyền thế, hối lộ v.v.). Đây là mầm mống của sự rối loạn trật tự xã hội (anarchie).

Trong hoàn cảnh ấy, lớp người lớn tuổi (thế hệ 45, của miền Bắc miền Nam giống nhau !) phần đông không có chỗ đứng (mới), đành ẩn nhẫn nhìn sự thế xoay vần ! Lớp « tam thập » hội nhập rất khó khăn do đại nạn « lý lịch » không thể nào hăng hái, thành tâm tham gia vào đội ngũ « lao động » hữu dụng trong việc dựng nước! Thế hệ « quàng khăn đỏ » được đào tạo theo một khuôn tri thức không thực dụng sẽ rất ngu ngơ, bỡ ngỡ trước những nhu cầu cao cấp của « tam thập » tiếp theo (hậu 2005)!

Viễn tượng của « thế giới Việt Nam XHCN » như vậy đấy ! Tương lai của Việt Nam đang nằm trong tay của những lớp người chạy theo miếng ăn hằng ngày, hoặc tìm cách hưởng thụ vội vã, sống với cái tâm thức dị kỳ « không biết mình là ai, nên làm gì, sống để làm gì ? ». Trong khi ấy, tiến trình toàn cầu hóa đòi hỏi những con người có trình độ văn minh cao cấp, những dân tộc tiến bộ có thể tham dự vào cuộc sống chung trong « ngôi làng toàn cầu » tự do, dân chủ, an bình, hạnh phúc !

Điều trần trở « hiện đại » khi nhìn vào thực trạng Đất Nước ta là :

Sau ba mươi năm XHCN, nước Việt Nam rơi vào cái thực trạng « tụt hậu » nghèo hèn, kém sút, « đáng thương » trước cái nhìn soi mói của thế giới ! Trong khi ấy, nước Việt Nam có những tài nguyên phong phú (khoáng sản, rừng núi, bờ biển, đồng ruộng...) nhân lực hùng hậu, cần cù. Trong khi ấy, với tiến trình toàn cầu hóa hiện nay, về địa lý chính trị, nước Việt Nam « đang » chiếm một vai trò quan trọng trong vùng Đông Nam Á, nói rộng ra của vùng châu Á. Trong khi ấy, trước mắt chúng ta là một thế giới năng động, muốn chiếm đoạt nhanh chóng, tận cùng lợi nhuận và tiện ích, muốn kiến tạo một nền văn minh kỹ thuật cao cấp.

Muốn có một chỗ đứng ngang vai ngang vế trong « ngôi làng toàn cầu », nước Việt Nam cần phải có một thể chế chính trị và thái độ văn hóa thích ứng (dân chủ, tự do, mở rộng), một nền kinh tế vững mạnh (tự lực, tự cường). Với tình trạng yếu kém hiện nay, nước Việt Nam XNCH thể nào cũng sẽ bị bỏ rơi, bị đề bẹp, bị nuốt chửng bởi một thế lực ngoại bang nào đó.

2- Ở hải ngoại :

Trước bối cảnh này, tư duy của những hơn hai triệu người Việt sống ở hải ngoại cũng cần được đem ra bàn, trên tinh thần « tam thập nhi lập » nói trên. Ba mươi năm qua, « ta » đã làm được những gì ? Và trong tương lai, « ta » có định làm gì không ? sẽ phải làm gì ?

- Khởi đầu là nghiệm xét ý nghĩa của việc di tản. Sau ba mươi năm lưu vong, cộng đồng người Việt ở hải ngoại tưởng cũng nên thành tâm suy nghĩ lại tại sao không một ai (trong ba lớp tuổi nói trên) muốn trở về sinh sống hẳn trên quê hương ?

Câu hỏi này phải được đặt ra trước hết bởi hạng người có quan hệ nhiều nhất : đây là những người đã phải lữ lượm (và lần lượm trong mấy chục năm kể tiếp) đem theo vợ con rời bỏ đất nước, xứ sở, chấp nhận một cuộc sống lưu vong nhiều bất trắc, đầy bất ứng. Ba mươi năm đã trôi qua, với màu tóc đã bạc, chẳng lẽ tình yêu tổ quốc, đất nước cũng bội bạc luôn theo ?

Ta - lứa tuổi 1945 - phải tìm một câu trả lời. Nó sẽ giúp ta, không những hòa giải được với chính ta trên tinh thần « tam thập », còn xác định được thể đứng của ta đối với cái « tam thập » của con cháu. Nhiệm vụ lập thân của ta đến giờ phút này vẫn chưa thể tròn khi ta không giúp một tay cho lớp con cháu « hậu 75 » đang sống mốc-đời tam-thập.

Ngay từ lúc quân đội Mỹ di tản (tôi không dùng mỹ từ « rút quân trong danh dự », những người hợp tác với họ kể cả quân nhân và nhân viên chính phủ Cộng Hòa (+ gia đình, bạn bè) cũng được kéo theo và gần như toàn thể dân chúng Miền Nam - một số lớn rút kinh nghiệm kỳ di tản năm 1954 - sôi nổi lo việc trốn chạy Cộng Sản. Một lần nữa, dân Việt Nam phải bỏ tất cả, thân bằng quyến thuộc, làng xóm, phố phường, bè bạn, tài sản, phần nhiều là phải liều chết, để đến sống ở một miền đất khác có tự do, được an lành. Trên hai triệu người đã quyết tâm chọn cảnh lưu vong, cam chịu phận thất quốc lý hương. Trên hai triệu người đành bỏ cha mẹ già, đàn em dại, cam chịu cảnh gia đình ly tán. Trên hai triệu người đành lao đầu vào một cuộc « đổi đời » khổ nạn cùng tột, nhiều buồn hơn vui, rất nhiều đắng cay, khổ cực. Biết vậy nhưng không có sự chọn lựa nào hơn.

Bỏ quê hương mà đi ! Chúng ta phải đồng thuận về một điểm : không có người Việt Nam nào yêu chuộng chuyện ấy cả. Dẫn thân vào một cuộc phiêu lưu để bỏ lại sau lưng bao nhiêu là kỷ niệm mặn nồng, bao nhiêu là sự việc, chuyện đời đã từng chăm chú, không phải là thói quen của đa số dân Việt vốn thích được ràng buộc vào những ân tình đã ước đắp nơi chôn nhau cắt rốn, quê cha đất tổ. Nhưng đây là chuyện chẳngặng đặng. Trong hiện tại, trước mắt, phải ra đi để tìm đất sống « cho ra người » ; hãy cứ ra đi để mau chóng tách rời khỏi một cảnh sống không có tình người, không có tương lai. Phải chấp nhận mọi gian nguy, hận thù để cả gia đình được sống tự do, an bình, để bảo đảm được tương lai của con cháu.

Vậy xin các con, các cháu nên nhớ kỹ điều ấy !

Và một điều này nữa : Chúng tôi - thế hệ 45 đã biết thế nào là con-người-cộng-sản - phải bỏ nước mà đi nhưng cuộc di tản chỉ có ý nghĩa một cuộc chia tay với Đất Nước do sự không chấp nhận ý thức hệ của Cộng sản áp đặt. Ba mươi năm đã trôi qua, nay việc hội nhập đã được hoàn thành, chúng tôi ít nhiều cũng đã thành công trong việc hội nhập. Niềm an ủi, nỗi vui mừng mà chúng tôi xem là một sự thành công lớn nhất trong cuộc sống trên xứ người xa lạ, ấy là chúng tôi đã bền lòng « đếm bước chân đi » trên đường lập thân của con cháu.

Cho nên, đã có rất nhiều thăng trầm nhưng tình yêu quê hương, xứ sở của chúng tôi không bao giờ sút mẻ. Vì chúng tôi đã có một nhận định sáng tỏ : lưu vong không đồng nghĩa với vô tổ quốc. Chúng ta có một đất nước. Cái đất nước ấy dù cho đang bị tàn hại, sẽ bị « bán đứng » cho ngoại bang cũng vẫn là đất nước Việt Nam. Chúng ta phải có bốn phận giữ gìn, xây dựng. Chúng ta không thể nào là kẻ « mất nước ». Không có danh từ nào khổ nhục bằng ba chữ « vô tổ quốc ». Không có ý thức nào nghịch lý bằng cụm chữ « mất nước » !

Đây là phía chúng tôi. Còn về phía thế hệ "hậu 75", trên dưới tuổi « tam thập », các cháu đã làm được gì ?

Đối với lớp tuổi « đã vào đời » từ 1975, tất nhiên trên tiến trình « lập thân » ở xứ người, các cháu đều đã nếm vị cay đắng của sự hội nhập, đa số đã đương nhiên hưởng cái hương vị của sự đỗ đạt, lập nghiệp, an cư. Các cháu là hơn 300 ngàn « người trẻ », trong hiện tại, có những tiện nghi vật chất, tinh thần đầy đủ

giúp các cháu sống thoải mái trong một xã hội văn minh, tự do, dân chủ, an bình. Đời sống văn minh, tiến bộ đang nuôi dưỡng hạnh phúc của các cháu.

Ba trăm ngàn người - lại là người-trẻ nữa - là một lực lượng hùng hậu nhất thế giới ! Nếu các cháu bỏ phí cái lực lượng ấy thì rất đau buồn cho dân tộc và cho cả... loài người nữa đấy. Nếu các cháu hờ hững với cái giá trị của chính các cháu, lạnh nhạt đối với lợi ích của đất nước, giống giòng thì đấy là một thiệt hại lớn cho tương lai của các cháu. Một ngày nào đó, khi nhìn kỹ trong gương soi các cháu sẽ thấy rõ gốc tích của các cháu để run sợ trước cái hình bóng trong tương lai của các cháu. Từ danh tính Tây-giấy, Mỹ-giấy, Đức-giấy... các cháu sẽ hoàn toàn thành Tây-thật, Mỹ-thật, Đức-thật không ? Và để làm gì ?

Những suy nghĩ ấy liên quan rất nhiều đến lớp tuổi đang mang cái trách nhiệm làm cha, làm mẹ của mốc đời « tam thập ». Các cháu cũng đã có lần lo nghĩ đến tương lai của cái thế hệ tiếp theo. Mười lăm năm nữa, chúng nó sẽ ... Hăm mấy, ba mươi năm nữa chúng nó sẽ ... Cái « sẽ... » ấy là vấn đề của chúng ta « đang... ». Cái « sẽ » ấy là cái chúng ta - chúng tôi và các cháu - cần nghiệm xét để chọn lựa. Toàn cầu hiện nay đang lao mình vào một trận chiến « đánh tan hòa mù tâm thức » bằng phương thức tận diệt những mầm mống phản nhân quyền, hủy dân trí hầu đi đến việc tạo lập một « ngôi làng thế giới » an lạc, công bằng ! Ngay chúng ta cũng bị buộc phải dẫn thân vào. Ta phải có một thái độ hợp lý, tìm một giải pháp hợp thời, nói rõ hơn là phải có một tư duy nghiêm chỉnh để chấn hưng đạo đức, để chỉnh đốn giáo dục. Ta phải hướng dẫn « chúng nó » đến con đường phải đi : trở về với tâm thức chân chính với lòng trân trọng giống giòng, tự hào dân tộc. Các cháu cũng đồng thuận với chúng tôi là văn minh « thời đại » đặt quá nhẹ vấn đề đạo đức, tình gia đình, quen sống « cướp thời gian », sợ nghĩ xa, chuộng vị kỷ, tạo nên sự tha hóa tinh thần yêu nước, không tha thiết đến những vấn đề tâm linh kia mà ! Các cháu cũng có những trần trối như chúng tôi. Các cháu cũng có những mong đợi tốt đẹp nơi « hậu duệ » của các cháu kia mà !

Nói cách khác, « ta » phải xác định sự cần thiết của vấn đề tâm linh. Trong khuôn khổ tiếp nhận những tiến bộ của thời đại đang ập lên nhân loại, làm choáng ngợp cả giới trí thức, « ta » phải nhận định sáng suốt đâu là hướng đi, đến đâu là tầm mức. Các cháu có cái ưu thế được sinh dưỡng trong tinh thần đạo đức căn bản cổ truyền Á Đông và nắm bắt được văn minh ngoại lai Âu Mỹ cao cấp, vậy các cháu phải nhận thức vai trò của mình. Tương lai của đất nước, của dân tộc nằm trong tay các cháu. Hãy tự thức tỉnh để chiếm đoạt một cơ may và bắt nắm cái hạnh phúc đầu tầm tay. Đây là một vấn đề lương tâm, một sự chọn lựa hoàn toàn tự do, các cháu đừng ngần ngại, chớ xuôi tay !

I I I - Sau 2005 : Tam thập tới :

Đến đây, tôi lại xin xác định giá trị của tinh thần « tam thập nhi lập » : đến ba mươi tuổi, sau ba mươi năm đời, ta (con-người nói chung) đã đủ khôn ngoan (bon sens) để biết định đoạt lấy cái chân thiện mỹ của việc làm của ta, ta phải vận dụng tất cả sở trường của ta để tạo lập tương lai của ta. Đến cái « mốc đời » tam thập, ba mươi tuổi, ta phải nhìn thẳng vào hai phần đời của ta : phần phía trước, ta đã làm được gì hay, tốt ; phần phía sau, ta sẽ phải làm gì hay, tốt. Nguyên tắc « lập » cần nắm là nghiệm xét những gì mình phải làm để sống cho đàng hoàng, không hổ thẹn với lương tâm trong giai đoạn đời kế tiếp. « Lập » còn có nghĩa là sửa soạn, hoạch định, hệ thống hóa những việc làm cho « tam thập » sau, cho quãng đời sắp đến, cho tương lai.

Riêng hiện nay, ở đây, vấn đề « tam thập » phải được đặt ra để bàn, để xác định tương lai của cả một dân tộc, qua cái « lập » của mỗi con-người » Việt. Cũng xin nhắc trước là, ở đây, vào tam thập này - hậu 2005 -, ta không cần nói, cần bàn về những sai lầm của « ai » đã phạm nữa. Bây giờ không còn là lúc bươi móc, cấu xé nhau, đổ lỗi này, qui tội nọ cho nhau. Xin gạt sang một bên những hấn học, nghi ngờ. Xin sáng suốt để xóa tan hoang mang. Xin bình tĩnh để nhận chìm hờ hững. Xin thành khẩn, quyết tâm một lần này. Đây là một hành động tự do. Ta làm cho lương tâm của ta, ta không cần phải lo nghĩ về sự phê phán của lịch sử, ta không phải sợ bất cứ một áp lực tinh thần nào.

Vậy, hiện tại, đến mốc đời « tam thập 1975-2005 », trước tiên là « chuyện » ở trong nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sau đó, bên cạnh đó là « chuyện » ở hải ngoại, của cộng đồng Việt Nam « lưu vong ». Nói rộng và rõ hơn, vấn đề « tam thập » của chung những người Việt Nam chúng ta nằm gọn trong tâm tưởng dưới dạng nghi vấn tam thức này : Ba mươi năm đã qua, Đất Nước Việt Nam hiện nay như thế nào ?+ Con-Người Việt Nam bây giờ ra sao ?+ Bây giờ, ta định làm gì tiếp ?

Xin vào đề : Gần đây nhất, để « lập » tương lai của chế độ XHCN, nhà cầm quyền Việt Nam « kiêu vận » bằng Nghị quyết 36. Bằng luận điệu cổ hủ vừa ve vuốt vừa hù dọa, « họ » khuyến cáo « Việt Kiều » (tất cả những người Việt sống ở hải ngoại), nếu muốn được yên thân, phải chấp nhận hòa hợp để tiếp tay với Chính phủ trong việc xây dựng nước Việt Nam XHCN. Tinh thần hòa hợp, hòa giải để dựng nước, cứu dân này khó được « việt kiều » đồng thuận vì tính chất độc tôn, tinh thần độc đoán của những kẻ chiến thắng « đang cầm quyền » kêu gọi. Nó lộ rõ bản chất bất nhân, bất nghĩa, bất tín của những con-người không chịu nhìn nhận sự thật, lẽ phải, điều khôn ngoan (bon sens), mù quáng với lý tưởng « cách mạng vô sản ». Đây là một thái độ vụng về, ngớ ngẩn.

Xin những ai tin vào cái nghị quyết 36 nghiệm xét lại vấn đề cấp thiết hiện nay : Ba mươi năm đã qua, từ ngày Cộng sản Việt Nam cướp được quyền quản lý đất nước, lẽ ra, trên tinh thần « tam thập nhi lập », người có đạo đức cách mạng phải hiểu rằng đây là quãng thời gian đủ dài để hình thành tiến trình trưởng thành, hoàn chỉnh con-người của mình. Về phía một chính quyền (dù cho nó chỉ là một thứ ngục quyền tự phong do cướp giật) cũng vậy. Người cầm quyền, trong tư cách « con-người », trên cương vị « người xã hội » (cán bộ), đến cái mốc tam thập, phải tự đặt lại vấn đề, phải tự nghiệm xét, phải tự vấn lương tâm. Trong

cái quá khứ ba mươi năm dài hơn một thế hệ, phải làm được một cái gì gọi là « đảng hoàng », thăng hoa bản thân, ích lợi cho người (người dân, con cháu). Với tam thập này, người cộng sản phải phản tỉnh, phải thực hiện một cuộc cách mạng bản thân để nắm bắt được cái tâm thức của người sống không thẹn với lương tâm, chết an nhiên trước mắt mọi người, không lo sợ sự phán xét gắt gao của lịch sử.

Phần chúng ta, gần ba triệu người Việt lưu vong « ta » phải làm gì ? Thỉnh thoảng làm một chuyến thăm viếng quê hương, một cách định kỳ gửi tiền về nuôi sống bà con, đóng tiền vào một công cuộc cứu trợ nào đấy không phải là giải pháp để giúp cho lương tâm ta yên ổn được. Nó không giải quyết được yêu cầu cấp bách của tam thập tiếp theo, hậu 2005.

Điểm cần làm mọi người chúng ta - mọi lớp tuổi, mọi thành phần - phải suy nghĩ để tìm một giải pháp thích ứng là : tiến trình toàn cầu hóa đang lôi kéo toàn thể giới đến sự hình thành một cảnh đại đồng « nâng lên », có ý nghĩa nâng loài người lên mức hưởng thụ vật chất và tinh thần tối đa : tiện nghi vật chất dư thừa, làm ít hưởng nhiều, các quyền tự do, dân chủ được bảo đảm. Trái lại, tinh thần đại đồng cộng sản kéo nhân loại xuống hàng vô sản, sống với những tiện ích tối thiểu, dùng sức lao động tối đa : ăn no (ngày hai bữa), mặc ấm (hai bộ một mát một ấm) và có chốn ở (năm người ở chung một hộ). và nước Việt Nam đang quyết tâm thực hiện cái cảnh đại đồng ấy. Vậy dân tộc Việt Nam có đủ điều kiện để tham dự vận hội mới ấy của nhân loại không ?

Nói một cách cụ thể, vấn đề tam thập sắp đến là chuyện tương lai của con cháu chúng ta (nói chung). Lớp tuổi hậu 75, thế hệ « quàng khăn đỏ » sẽ tạo, sẽ sống trong một xã hội tự do, an bình không ? Một ngày nào đó, khi gia đình Việt Nam ở hải ngoại đã « lai » rồi thì vấn đề « gốc gác » sẽ ra sao, trong khi « ta » không chấp nhận danh xưng « kẻ mất nước » ?

Không riêng gì ba triệu người ở hải ngoại, toàn thể 80 triệu người Việt Nam đều mang một ước vọng một ngày nào đó nước nhà sẽ an lành hơn, đời sống được tốt đẹp hơn. Nhiều cái « hơn » nằm trong sự mong ước được thấy một nước Việt nam thoát khỏi một sự thống trị mù quáng, được quản lý hợp lý trên tinh thần vị dân để trở thành giàu mạnh

Vậy, không có cách nào hơn là tất cả mọi người đều phải phản tỉnh, phải nhìn nhận những sai lầm, phải thành tâm nghĩ đến việc dựng nước (của chung chúng ta), cứu dân (trên tinh thần dân tộc).

Không thể chần chờ được nữa. Phải làm một cuộc cách mạng tâm thức, bắt đầu bằng bản thân mỗi người, để cùng nhau đưa dân tộc lên hàng nhân loại văn minh tiến bộ.

Lịch sử cận đại Việt Nam đến năm 2005 đếm tròn 60 năm (1945-2005), hai lần tam thập, một lục giáp. Mốc thời gian này là điểm khởi đầu của một vận hội mới. Nghĩa là phải có sự thay đổi. Mong rằng sự thay đổi sắp đến không phải là một sự đổi đời đầy nước mắt.

Đây là một vấn đề lương tâm. Chúng ta không thể không biết.

Belleville, Paris lập xuân Ất Dậu

2005